

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

TUẦN 4 - LỚP 8

Tuần: 4 - Tiết: 13

Tiếng Việt

TỪ TƯỢNG HÌNH VÀ TỪ TƯỢNG THANH

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Chú ý: học sinh chỉ đọc, không chép bài phần này

Đọc kĩ sách giáo khoa từ trang 49 và thực hiện các yêu cầu:

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm, công dụng từ tượng hình, từ tượng thanh*

- Đặc điểm và công dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh.

+ Học sinh đọc ví dụ/sgk/49 và trả lời câu hỏi

+ Trong các từ in đậm, những từ nào gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật ? Những từ nào mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người ?

+ Theo em, các từ “*vật vã, rũ rượi*” gợi tả hình ảnh, trạng thái như thế nào? Các từ “*hu hu, ư ử*” mô phỏng âm thanh nào?

+ Những từ gợi tả dáng vẻ hình ảnh, trạng thái hoặc mô phỏng âm thanh như trên có tác dụng gì trong văn miêu tả và tự sự ?

- Lấy ví dụ, đặt câu với từ tượng hình, từ tượng thanh.

**Nhiệm vụ 2: Làm bài tập*

Thực hiện đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của đề bài

B. NỘI DUNG GHI

Chú ý: Học sinh chép bài đầy đủ phần này vào vở

I. TÌM HIỂU BÀI

1. Đặc điểm từ tượng hình, từ tượng thanh

a. Ví dụ/sgk/49

b. Nhận xét.

- Các từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái: *móm mém, xồng xộc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, sòng sọc*

-> Từ tượng hình

- Các từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người: *hu hu, ư ử*

-> Từ tượng thanh

2. Công dụng từ tượng hình, từ tượng thanh

a. Ví dụ : sgk/ 49

+ rũ rượi: tóc rối bù, xoã xuống

+ vật vã: lẫn lộn vì đau đớn

+ hu hu: mô phỏng tiếng khóc

+ ư ử: mô phỏng tiếng rên

-> gọi cụ thể, sinh động tâm trạng đau khổ sau khi bán cậu vàng cùng cái chết đau đớn của lão Hạc.

b. Nhận xét:

- Công dụng của từ tượng hình, tượng thanh là: *Gọi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao*

- Đa số các từ tượng hình, tượng thanh là những từ láy

II. GHI NHỚ/SGK/ 49

III. LUYỆN TẬP

Bài 1/sgk/49: Tìm từ tượng hình, từ tượng thanh trong những câu sau:

Hướng dẫn

a. “Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm.”

-> soàn soạt; rón rén

Học sinh làm các câu còn lại

Bài 2/sgk/50: Tìm ít nhất năm từ tượng hình gọi tả dáng đi của người.

Hướng dẫn

Đi lom khom; Đi khập khiễng; Đi chập chững; Đi rón rén; Đi thoăn thoắt.

Học sinh tự lấy ví dụ tương tự

Bài 3/sgk/50: Phân biệt ý nghĩa của các từ tượng thanh gọi tả tiếng cười: cười ha hả, cười hì hì, cười hô hô, cười hơ hơ.

Hướng dẫn

- Cười ha hả: cười to, tỏ ra khoái chí.
- Cười hì hì: tiếng cười phát ra đằng miệng và cả đằng mũi, có vẻ hiền lành, tỏ ra thích thú.

Học sinh tự giải thích các câu còn lại

Bài 4: học sinh tự đặt câu

Bài 5: học sinh tự sưu tầm

Dặn dò: Học bài, hoàn thiện các bài tập

Chuẩn bị bài: Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội

Tuần 4 - Tiết 14

Tiếng Việt:

TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Chú ý: học sinh chỉ đọc, không chép bài phần này

Đọc kĩ sách giáo khoa từ trang 56 đến trang 57 và thực hiện các yêu cầu:

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu từ ngữ địa phương*

- Học sinh đọc ví dụ/sgk/56, trả lời câu hỏi
- Bắp và bẹ ở đây đều có nghĩa là "ngô". Trong ba từ bắp, bẹ và ngô, từ nào là từ địa phương, từ nào được sử dụng phổ biến trong toàn dân ?
- Tự tìm từ địa phương nơi em sinh sống

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu biệt ngữ xã hội*

- Học sinh đọc ví dụ a/sgk/57, trả lời câu hỏi
- Tại sao trong đoạn văn này, có chỗ tác giả dùng từ mẹ, có chỗ lại dùng từ mợ? Trước Cách mạng tháng Tám 1945, trong tầng lớp xã hội nào ở nước ta, mẹ được gọi bằng mợ, cha được gọi bằng cậu ?
- Học sinh đọc ví dụ b/sgk/57, trả lời câu hỏi
- Các từ “ ngỗng”, “ trúng tử” có nghĩa là gì? tầng lớp nào thường sử dụng những từ này
- Lấy ví dụ về biệt ngữ xã hội mà em biết

**Nhiệm vụ 3: Sử dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội*

Học sinh trả lời câu hỏi:

- Khi sử dụng từ ngữ địa phương hoặc biệt ngữ xã hội cần chú ý điều gì? Tại sao?
- Tại sao trong các đoạn thơ, văn trên, tác giả vẫn sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội

**Nhiệm vụ 4: Làm bài tập*

Thực hiện đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của đề bài

B. NỘI DUNG GHI BÀI

Chú ý: học sinh ghi chép bài đầy đủ phần này vào trong vở

I. TÌM HIỂU BÀI

1. Từ ngữ địa phương

a. Ví dụ/sgk/56

b. Nhận xét

Bẹ (miền Bắc, Trung)

Bấp (miền Nam)

- > Từ ngữ địa phương, vì nó chỉ dùng trong phạm vi hẹp, chưa có tính chuẩn mực cao

Ngô -> được dùng phổ biến hơn -> Vì nó là từ ngữ có tính chuẩn mực hoá cao. -> Từ toàn dân

=> Từ địa phương là từ ngữ chỉ dùng ở một (một số) địa phương nhất định.

2. Biệt ngữ xã hội

a. Ví dụ

Ví dụ a/sgk/57

- mẹ: lời kể của tác giả với độc giả.

-> từ toàn dân

- mợ: lời đáp của Hồng khi đối thoại với người cô – cùng tầng lớp xã hội.

-> Tầng lớp trung lưu, thượng lưu dùng từ mợ để chỉ mẹ mình, và từ cậu để chỉ cha mình.

Ví dụ b /sgk/57

- ngỗng: điểm 2

- trúng tủ: đúng với điều mình chuẩn bị, dự kiến

- > Tầng lớp học sinh, sinh viên sử dụng.

b. Nhận xét

Biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.

3. Sử dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội

a. Ví dụ

*** Ví dụ 1**

Chú ý: học sinh chỉ cần đọc ví dụ, không cần viết

Em hãy dịch đoạn đối thoại sau ra tiếng toàn dân:

- Con ơi! Con ra trước cươi lấy cho mạ cấy chũi.

Đi cho khéo không bỏ cây trục cúi đó nghe.

- Mạ ơi! Con có chộ cấy chũi mô mờ.

Ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn đối thoại trên của khu vực nào? Có nên nói như vậy với mọi người không? Vì sao?

Dịch ra từ toàn dân

- Con ơi! Con ra trước sân lấy cho mẹ cái chổi.

Đi cho khéo không ngã sưng đầu gối đó nghe.

- Mẹ ơi! Con có thấy cái chổi đâu nào.

- Ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn đối thoại trên là ngôn ngữ Miền Trung

- Khi nói với mọi người không nên sử dụng những từ ngữ như vậy

- Vì làm người nghe khó hiểu/ không hiểu

-> Việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội cần phải phù hợp với tình huống giao tiếp

Ví dụ 2 /sgk/58

mô: nào

bầy tui: chúng tôi,

ví: với

nớ: đó,

hiện chừ: bây giờ,

ra ri: như thế này

cá: ví

dầm thượng: túi áo trên

môi: lấy cắp

-> Tô đậm thêm màu sắc địa phương.

b. Nhận xét:

- Việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội cần phải phù hợp với tình huống giao tiếp
- Trong thơ văn tác giả sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội để tô đậm thêm màu sắc địa phương.

II. GHI NHỚ/SGK/ 56, 57

III. LUYỆN TẬP

Bài 1/sgk/59:

Hướng dẫn:

- heo - lợn
- ly - cốc
- chén - bát

Học sinh tự lấy thêm các ví dụ khác

Bài 2/sgk/59: Tìm một số từ ngữ của tầng lớp học sinh hoặc tầng lớp xã hội khác mà em biết, giải thích nghĩa, cho ví dụ minh họa

Hướng dẫn:

+ Từ ngữ xã hội của lớp trẻ: chém gió, ngỗng, g9, trẻ trâu, trúng tủ...

Học sinh tự lấy thêm các ví dụ khác

Bài 4/sgk/59: Tìm những câu thơ, ca dao, hò, vè của địa phương em/ khác có sử dụng từ ngữ địa phương. Nêu từ ngữ toàn dân tương ứng.

Hướng dẫn:

Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng
Thương cha nhớ mẹ quá chừng bậu ơi!

(Cao dao)

-> ngó: nhìn; quá chừng: nhiều; bậu: bạn

Ghé tai mẹ, hỏi tò mò

Cớ răng ông cũng ưng cho mẹ chèo?

-> cớ răng: tại sao; ưng: chịu

Dặn dò:

- Học bài, hoàn thiện bài tập.
- Chuẩn bị bài Cô bé bán diêm.

Tuần 4

Tiết 15-16

Văn bản:

CÔ BÉ BÁN DIÊM

An-đéc-xen

A.HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

(Chú ý: phần này học sinh chỉ đọc, không chép bài phần này)

Đọc kĩ sách giáo khoa từ trang 64 đến trang 68 và thực hiện các yêu cầu:

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm*

-Đọc chú thích

Nêu những hiểu biết của bản thân về tác giả An-đéc-xen

-Đọc văn bản “Cô bé bán diêm”

+Tóm tắt văn bản

+Chia bố cục văn bản thành từng phần

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung văn bản*

- Tìm hiểu hoàn cảnh của cô bé bán diêm:

+ Tìm những chi tiết nói về hoàn cảnh của em bé bán diêm

+ Em có nhận xét gì về hoàn cảnh của cô bé

- Những lần em bé quẹt diêm

+ Liệt kê những những cảnh tượng mà em bé đã thấy trong mỗi lần quẹt diêm

->thực tế -> mong ước của em

+ Nêu nhận xét, suy nghĩ về những mộng tưởng của cô bé qua những lần quẹt diêm.

+ Tất cả những mộng tưởng đó cho ta thấy điều gì về cô bé bán diêm?

+ Phân tích ý nghĩa hình ảnh ngọn lửa diêm?

+ Biện pháp nghệ thuật

- Cái chết của em bé và tấm lòng nhà văn

+ Nguyên nhân gây ra cái chết của em bé là gì?

Chi tiết miêu tả hình ảnh của cô bé bán diêm vào buổi sớm hôm sau	Tình cảm của tác giả dành cho cô bé bán diêm	Thái độ của tác giả trước sự thờ ơ, vô cảm của mọi người	Những thông điệp mà tác giả muốn gửi tới người đọc

+ Biện pháp nghệ thuật tác giả sử dụng.

**Nhiệm vụ 3: Làm bài tập*

Thực hiện đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của đề bài

B. NỘI DUNG GHI BÀI

Chú ý: học sinh ghi chép bài đầy đủ phần này vào trong vở

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả sgk/67

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ

Trích từ truyện ”Cô bé bán diêm”

b. Bố cục (hs đánh dấu trong sgk)

3 phần

- Phần 1: Từ đầu ... Cứng đờ ra: Hoàn cảnh sống của cô bé bán diêm

- Phần 2: Tiếp ... Châu thượng đế : Những mộng tưởng của cô bé

- Phần 3: Còn lại: Cái chết của cô bé bán diêm

c. Thể loại và phương thức biểu đạt

- Thể loại: truyện ngắn

- PTBD : tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm

- Ngôi kể thứ ba

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hoàn cảnh em bé bán diêm

*** Gia cảnh:**

- Mồ côi mẹ, gia sản tiêu tán sau khi bà mất

- Bố nghiện rượu, hay đánh đập, chửi rủa em
- Bán diêm kiếm sống

*** Hiện tại:**

- Bán diêm, cô đơn giữa đêm giao thừa
 - Thời tiết khắc nghiệt – em đầu trần, bụng đói
 - Không bán được diêm, em không dám về vì sợ bố đánh
- > Đáng thương, thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần.**

2. Những lần em bé quẹt diêm

Em bé quẹt diêm 5 lần và mộng tưởng đẹp đẽ cứ hiện ra.

	Mộng tưởng (Quẹt diêm)	Thực tế	Ý nghĩa
Lần 1	Lò sưởi ấm áp	Cô bé đang rét.	Cô bé mong ước được sưởi ấm.
Lần 2	bàn ăn thịnh soạn, ngỗng quay	Cô bé đang đói	Cô bé mong ước được ăn no.
Lần 3	Cây thông Nôen lộng lẫy	Cô bé chỉ có một mình	Cô bé mong được sum họp gia đình, được vui chơi như bao đứa trẻ khác.
Lần 4	Bà nội hiện về, mỉm cười hiền hậu	Cô bé đang nhớ bà	Cô bé khát khao được yêu thương, được bà chăm sóc
Lần 5	Hai bà cháu bay lên	Cô bé đã mất	Cô bé ước mơ được sống trong một thế giới tốt đẹp, giàu tình yêu thương

-> Kể chuyện đan xen đối lập giữa thực tế và mộng tưởng

=> Luôn khao khát cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đầy tình thương yêu

3. Cái chết của cô bé bán diêm và tấm lòng nhà văn.

Chi tiết miêu tả	Tình cảm của tác	Thái độ của tác giả	Những thông điệp
------------------	------------------	---------------------	------------------

hình ảnh của cô bé bán diêm vào buổi sớm hôm sau	giả dành cho cô bé bán diêm	trước sự thờ ơ, vô cảm của mọi người	mà tác giả muốn gửi tới người đọc
“đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười” -> Cái chết không bi lụy mà được miêu tả rất đẹp	- Cảm thông, thương xót. - Ngợi ca vẻ đẹp, khát vọng ước mơ trong tâm hồn của cô bé bán diêm.	Lên án sự thờ ơ, lãnh đạm của mọi người trong xã hội trước số phận đáng thương của những mảnh đời bất hạnh.	Con người phải biết yêu thương đùm bọc nhau, quan tâm đến trẻ em

=> Tấm lòng nhân đạo của nhà văn

III. GHI NHỚ/sgk/68

IV. LUYỆN TẬP:

Viết đoạn văn ngắn (8- 15 câu) nêu cảm nhận của em về nhân vật cô bé bán diêm trong văn bản “cô bé bán diêm” của An- đec- xen-

V. DẶN DÒ:

-Làm bài tập đầy đủ

-Chuẩn bị bài: Trọ từ, thán từ